

Số: 128/BC- KT&ĐBCLGD

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

*V/v Kết quả tổ chức chấm phúc khảo bài thi kết thúc học phần
học kỳ I, năm học 2020 - 2021*

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Phòng Khảo thí & ĐBCLGD, Phòng đã tiến hành tổ chức chấm phúc khảo bài thi kết thúc học phần học kỳ I năm học 2020 - 2021 cho sinh viên hệ đại học chính quy của Nhà trường, Kết quả công tác tổ chức chấm như sau:

1. Tổng hợp chung

- Tổng số đơn phúc khảo: **58 đơn**.
- Tổng số đơn đã được lập hội đồng chấm: **58 đơn**.
- Tổng số Bộ môn có học phần phúc khảo: 14/24 Bộ môn được chi tiết như sau:

STT	Khoa	Bộ Môn	Học phần	Số bài thi PK/Tổng số bài thi
1	Kế toán	Kế toán tổng hợp	Kế toán ngân sách	03/294
2		Kiểm toán	Kiểm toán hoạt động	02/23
3	Kinh tế	Kinh tế ngành	Thẩm định dự án ĐT	01/51
4		Kinh tế học	Kinh tế học vi mô 1	02/1027
5	KHCB	Lý luận chính trị	Chủ nghĩa xã hội KH	04/778
6		Toán	Lý thuyết XSTK	05/1043
7	Marketing - TM&DL	Marketing	Marketing căn bản	05/711
8			Quản trị bán hàng 3tc K14	05/67
9	Ngân hàng- Tài chính	Ngân hàng	Thanh toán quốc tế	03/366
10		Tài chính	Nhập môn tài chính	01/55
11	Quản lý Luật KT	Luật kinh tế	Luật đầu tư 2tc	01/114
12			Pháp luật an sinh XH	03/116
13			Luật thương mại 2	03/68
14			Pháp luật ngân hàng	01/65

STT	Khoa	Bộ Môn	Học phần	Số bài thi PK/Tổng số bài thi
15	Quản lý Luật KT	Luật kinh tế	Kỹ năng tư vấn PL	01/116
16			Pháp luật về KD BĐS	03/118
17			Luật kinh doanh BH	01/118
18			Luật hành chính VN	01/74
19			Luật hình sự VN 1	02/72
20			Lý luận chung NN&PL	01/49
21		Quản lý và chính sách công	Soạn thảo văn bản QLKT	04/378
22			Quản lý nhà nước về kinh tế	01/61
23	Quản trị KD	Phân tích KD	Phân tích HĐKD	01/384
24		Quản trị doanh nghiệp	Quản trị DN	01/101
25		Quản trị KDTH	Quản trị tài chính	01/86
26			Giao tiếp trong KD	01/164
27			Quản trị hành chính VP	01/176

Lý do chủ yếu sinh viên đưa ra khi gửi đơn phúc khảo bài thi: Kết quả điểm thi không đúng với thực tế bài làm.

2. Kết quả chấm phúc khảo

Trong tổng số 58 đơn phúc khảo được tổ chức chấm:

- + Số bài thi được lên điểm: 20/58 bài chiếm tỉ lệ 34,5 % (lí do: cộng sai, chấm sót ý).
- + Số bài thi giữ nguyên điểm: 37/58 bài chiếm tỉ lệ 63,8 %.
- + Số bài thi xuống điểm: 01/58 bài chiếm tỉ lệ 1,7 % (lí do: cộng sai).

Bảng 2.1 Thống kê kết quả chấm phúc khảo

Nội dung	Số đơn phúc khảo	Số học phần phúc khảo	Kết quả phúc khảo					
			Lên điểm	%	Giữ nguyên	%	Xuống điểm	%
Học kỳ I	58	27	20	34,5	37	63,8	01	1,7
Tổng	58	27	20		37		01	

Cụ thể xem chi tiết (phụ lục đính kèm)

Tổng số đơn phúc khảo có chiều hướng giảm theo cùng kỳ các năm học trước (năm học 2015 - 2016: 610 đơn, năm học 2016 - 2017: 417 đơn, năm học 2017 - 2018: 218 đơn, năm học 2018-2019: 100 đơn, năm học 2019 – 2020: 79 đơn, năm học 2020 – 2021: 58 đơn).

Bảng 3.1 Thống kê tổng số đơn phúc khảo cùng kỳ các năm học trước

Stt	Học kỳ/Năm học	Tổng số đơn	Bài thi được lên điểm		Bài thi xuống điểm		Bài thi giữ nguyên		Ghi chú
			Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	
1	HK 1 2015-2016	610	119	19,5	14	2,3	477	78,2	
2	HK 1 2016-2017	417	99	23,7	13	3,1	305	73,2	
3	HK 1 2017-2018	218	45	20,6	03	1,4	170	78,0	
4	HK 1 2018-2019	100	26	26,0	03	3,0	71	71,0	
5	HK 1 2019-2020	79	31	39,2	03	3,8	45	57,0	
6	HK I 2020 - 2021	58	20	34,5	37	63,8	01	1,7	

Tỷ lệ bài thi chấm lên điểm chiếm tỷ lệ khá cao trong số tổng bài thi phúc khảo và so với cùng kỳ các năm học trước (năm học 2015 - 2016: 19,5 %, năm học 2016 - 2017: 23,7%, năm học 2017 - 2018: 21,1%, năm học 2018-2019: 26,0%, năm học 2019 – 2020: 39,2%, năm học 2020 – 2021: 34,5%).

3. Đánh giá chung và kiến nghị:

3.1. Đánh giá chung

- Do tình hình dịch bệnh COVID-19 đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thi KTHP của sinh viên các khóa trong toàn trường dẫn đến hoạt động báo cáo kết quả tổ chức chấm phúc khảo bài thi KTHP học kỳ 1 năm học 2020 – 2021 phải điều chỉnh so với kế hoạch.

3.2. Kiến nghị

- Đối với những bài thi chấm lệch điểm, đề nghị Khoa/Bộ môn xem xét trách nhiệm của cá nhân có liên quan.

- Bộ môn tự kiểm tra từ:

+ Công tác chấm bài, cộng điểm từng phần và thành phần của từng bài thi.

+ Vào điểm thi từ bài thi vào biểu 4 của từng bài thi.

- Cán bộ chấm thi cần có sự tập trung hơn nữa trong quá trình chấm.

- Cần có sự giám sát chặt chẽ công tác chấm thi của Lãnh đạo bộ môn đối với các cán bộ được cử tham gia công tác chấm thi học kỳ, đảm bảo sự chính xác cao nhất đối với kết quả bài làm của sinh viên.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (b/cáo);
- Ban chủ nhiệm khoa;
- Trưởng các bộ môn;
- Lưu: KT&ĐBCLGD.

TRƯỞNG PHÒNG



Mai Việt Anh

PHỤ LỤC 1

Ban hành kèm theo công văn số 128/BC-KT&ĐBCLGD ngày 28/4/2021

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ SINH VIÊN PHÚC KHẢO BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Khoa	Bộ Môn	Môn thi	Mã sv	Họ và tên	Điểm trước PK	Điểm sau PK	Lớp	Ghi chú
1	Kế toán	Kế toán TH	Kế toán ngân sách	DTE1873403010113	Đoàn Thị Hào	7.8	8.5	K15 - Kế toán Tổng hợp C	
2	Kế toán	Kế toán TH	Kế toán ngân sách	DTE1873403010069	Bùi Hương Giang	7.8	7.8	K15 - Kế toán Tổng hợp A	
3	Kế toán	Kế toán TH	Kế toán ngân sách	DTE1873403010243	Nguyễn Thị Linh	7.5	7.5	K15 - Kế toán Tổng hợp D	
4	Kế toán	Kiểm toán	Kiểm toán hoạt động	DTE1753403010074	Ngô Quảng Dương	7.5	8.0	K14 - Kế toán Kiểm toán	
5	Kế toán	Kiểm toán	Kiểm toán hoạt động	DTE1753403010083	Đặng Thị Trà Giang	7.5	7.5	K14 - Kế toán Kiểm toán	
6	Kinh tế	Kinh tế ngành	Thẩm định dự án ĐT	DTE1753101010001	Đỗ Quang Anh	2.3	2.3	K14 - Kinh tế Đầu tư	
7	Kinh tế	Kinh tế học	Kinh tế học vi mô 1	DTE2053401010029	Trần Anh Dũng	4.6	4.6	K17 - Quản trị Kinh doanh 3	
8	Kinh tế	Kinh tế học	Kinh tế học vi mô 1	DTE2053401150044	Trần Hoàng Sỹ	9.9	9.9	K17 - Marketing 1	
9	Khoa học CB	Lý luận chính trị	Chủ nghĩa XHKH	DTE1953403010230	Nguyễn Thị Biên	5.8	5.8	K16 - Kế toán 4	
10	Khoa học CB	Lý luận chính trị	Chủ nghĩa XHKH	DTE1953401010176	Vàng Thị Huệ	8.0	8.0	K16 - Quản trị kinh doanh 3	
11	Khoa học CB	Lý luận chính trị	Chủ nghĩa XHKH	DTE1953403010237	Nguyễn Thị Hương	5.0	5.0	K16 - Kế toán 4	
12	Khoa học CB	Lý luận chính trị	Chủ nghĩa XHKH	DTE1953403010220	Dương Ngọc Kiên	4.8	4.8	K16 - Kế toán 4	
13	Khoa học CB	Toán	Lý thuyết XSTK	DTE2053403010623	Nguyễn Thị Thu Thảo	1.8	2.0	K17 - Kế toán 6	
14	Khoa học CB	Toán	Lý thuyết XSTK	DTE2053403010336	Kiều Thị Lan Anh	0.0	0.0	K17 - Kế toán 6	
15	Khoa học CB	Toán	Lý thuyết XSTK	DTE2053401010014	Nguyễn Thị Lan Anh	0.8	0.8	K17 - Quản trị Kinh doanh 1	
16	Khoa học CB	Toán	Lý thuyết XSTK	DTE2053401010258	Phạm Thị Tú Anh	4.8	4.8	K17 - Quản trị Kinh doanh 4	
17	Khoa học CB	Toán	Lý thuyết XSTK	DTE2053401010546	Đỗ Thị Hồng Ngát	5.0	5.0	K17 - Quản trị Kinh doanh 4	
18	Marketing - TM, DL	Marketing	Quản trị bán hàng 3tc	DTE1753401010008	Đào Phúc Bảo	3.8	3.5	K14 - Quản trị Kinh doanh TH	
19	Marketing - TM, DL	Marketing	Quản trị bán hàng 3tc	DTE1753401010009	Trương Thị Ngọc Bích	6.8	7.3	K14 - Quản trị Kinh doanh TH	

STT	Khoa	Bộ Môn	Môn thi	Mã sv	Họ và tên	Điểm trước PK	Điểm sau PK	Lớp	Ghi chú
20	Marketing - TM, DL	Marketing	Quản trị bán hàng 3tc	DTE1753401010044	Liều Thị Huế	5.0	5.5	K14 - Quản trị Kinh doanh TH	
21	Marketing - TM, DL	Marketing	Quản trị bán hàng 3tc	DTE1753401010002	Mưu Thị Lan Anh	4.5	4.5	K14 - Quản trị Kinh doanh TH	
22	Marketing - TM, DL	Marketing	Quản trị bán hàng 3tc	DTE1753401010032	Ngô Thị Hiền	4.5	4.5	K14 - Quản trị Kinh doanh TH	
23	Marketing - TM, DL	Marketing	Marketing căn bản	DTE1953401010170	Nguyễn Thị Kim Thu	5.2	5.8	K16 - Quản trị kinh doanh 3	
24	Marketing - TM, DL	Marketing	Marketing căn bản	DTE1953403010230	Nguyễn Thị Biền	5.8	5.8	K16 - Kế toán 4	
25	Marketing - TM, DL	Marketing	Marketing căn bản	DTE1953403010048	Cao Mai Hoa	4.4	4.4	K16 - Kế toán 1	
26	Marketing - TM, DL	Marketing	Marketing căn bản	DTE1953401010176	Vàng Thị Huệ	2.8	2.8	K16 - Quản trị kinh doanh 3	
27	Marketing - TM, DL	Marketing	Marketing căn bản	DTE1953401010037	Nguyễn Văn Huỳnh	4.9	4.9	K16 - Quản trị kinh doanh 1	
28	Ngân hàng - TC	Ngân hàng	Thanh toán quốc tế	DTE1753403010281	Phạm Thị Bích Nhật	4.5	4.5	K14 - Kế toán Tổng hợp E	
29	Ngân hàng - TC	Ngân hàng	Thanh toán quốc tế	DTE1753403010390	Đỗ Hồng Thúy	7.0	7.0	K14 - Kế toán Tổng hợp A	
30	Ngân hàng - TC	Ngân hàng	Thanh toán quốc tế	DTE1753403010393	Phạm Thị Thùy	6.5	6.5	K14 - Kế toán Tổng hợp A	
31	Ngân hàng - TC	Tài chính	Nhập môn tài chính	DTE1953403010149	Nguyễn Phương Thảo	7.9	7.9	K16 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	
32	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Luật đầu tư 2tc	DTE1753801070088	Nguyễn Thị Thu Phương	7.3	7.6	K14 - Luật Kinh doanh A	
33	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Pháp luật an sinh XH	DTE1753801070002	Nguyễn Thị Ngọc An	5.0	5.3	K14 - Luật Kinh doanh A	
34	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Pháp luật an sinh XH	DTE1753801070036	Nguyễn Thị Hà Giang	7.0	7.5	K14 - Luật Kinh doanh A	
35	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Pháp luật an sinh XH	DTE1753801070125	Nguyễn Thị Thu Uyên	7.0	7.0	K14 - Luật Kinh doanh B	
36	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Luật thương mại 2	DTE1653801070031	Thái Tiến Đạt	3.7	4.6	K13 - Luật Kinh doanh A	
37	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Luật thương mại 2	DTE1873801070025	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	3.9	4.8	K15 - Luật Kinh doanh B	
38	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Luật thương mại 2	DTE1873801070048	Trần Thị Phương	3.2	3.7	K15 - Luật Kinh doanh B	
39	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Pháp luật ngân hàng	DTE1873801070048	Trần Thị Phương	2.3	2.3	K15 - Luật Kinh doanh B	
40	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Kỹ năng tư vấn PL	DTE1753801070182	Phùng Khánh Toàn	5.8	5.8	K14 - Luật Kinh doanh B	

STT	Khoa	Bộ Môn	Môn thi	Mã sv	Họ và tên	Điểm trước PK	Điểm sau PK	Lớp	Ghi chú
41	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Pháp luật về KD BDS	DTE1753801070181	Lý Thị Hậu	4.5	5.0	K14 - Luật Kinh doanh B	
42	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Pháp luật về KD BDS	DTE1753801070147	Hoàng Khánh Ly	5.5	6.0	K14 - Luật Kinh doanh B	
43	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Pháp luật về KD BDS	DTE1753801070134	Lương Hồng Yên	7.3	7.5	K14 - Luật Kinh doanh B	
44	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Luật kinh doanh BH	DTE1753801070088	Nguyễn Thị Thu Phương	6.9	6.9	K14 - Luật Kinh doanh A	
45	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Luật hành chính VN	DTE1953801070056	Nguyễn Hải Yên	2.8	2.8	K16 - Luật kinh tế 1	
46	Quản lý - LKT	Quản lý và chính sách công	Soạn thảo VBQLKT	DTE1753403010203	Lê Thị Liên	5.0	5.8	K14 - Kế toán Tổng hợp E	
47	Quản lý - LKT	Quản lý và chính sách công	Soạn thảo VBQLKT	DTE1753403010401	Ngô Thị Thu Trà	5.5	6.0	K14 - Kế toán Tổng hợp C	
48	Quản lý - LKT	Quản lý và chính sách công	Soạn thảo VBQLKT	DTE1753403010416	Nguyễn Thị Trang	5.5	5.5	K14 - Kế toán Tổng hợp C	
49	Quản lý - LKT	Quản lý và chính sách công	Soạn thảo VBQLKT	DTE1753403010296	Sầm Hoàng Thu Niêm	7.5	7.5	K14 - Kế toán Tổng hợp C	
50	Quản lý - LKT	Quản lý và chính sách công	Quản lý NN về kinh tế	DTE1753101010001	Đỗ Quang Anh	2.9	3.7	K14 - Kinh tế Đầu tư	
51	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Lý luận chung NN&PL	DTE1653801070241	Nguyễn Trung Hiếu	6.0	6.5	K13 - Luật Kinh doanh B	
52	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Luật hình sự VN 1	DTE1953801070049	Nguyễn Hoa Mai	7.6	7.8	K16 - Luật kinh tế 1	
53	Quản lý - LKT	Luật kinh tế	Luật hình sự VN 1	DTE1953801070022	Vũ Thị Minh Trang	8.2	8.2	K16 - Luật kinh tế 1	
54	Quản trị KD	Phân tích KD	Phân tích HBKD	DTE1753403010085	Lê Thị Giang	3.5	3.5	K14 - Kế toán Tổng hợp D	
55	Quản trị KD	Quản trị DN	Quản trị DN	DTE1873403010345	Ngô Thị Phương	2.0	2.0	K15 - Kế toán Doanh nghiệp A	
56	Quản trị KD	Quản trị KDTH	Quản trị tài chính	DTE1753401010009	Trương Thị Ngọc Bích	5.3	5.3	K14 - QTKD Tổng hợp	
57	Quản trị KD	Quản trị KDTH	Giao tiếp trong KD	DTE1953401010037	Nguyễn Văn Huỳnh	5.0	5.0	K16 - Quản trị kinh doanh 1	
58	Quản trị KD	Quản trị KDTH	Quản trị hành chính VP	DTE1873401010028	Đặng Văn Đức	4.3	4.3	K15 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp A	

NGƯỜI LẬP



Hoàng Chí Thanh

TRƯỞNG PHÒNG



Mai Việt Anh